TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/5/2021
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thanh Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà**

2. Ông **Lê Truyền Bình**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lành**, Thư ký Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:* Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 231/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16B/2021/QĐST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Hồng N** - Sinh năm 1981;

Địa chỉ: khu phố 1B, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Ánh H** - Sinh năm 1983. Địa chỉ: 4../3 Núi T, phường Hòa C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện ghi ngày 01/12/2020 và tại bản tự khai ngày 29/01/2021, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Hồng N và bà Phạm Thị Ánh H kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 15 tháng 10 năm 2010), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại 4../3 Núi T, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có

xảy ra nhiều mâu thuẩn, nguyên nhân chủ yếu là bất đồng về quan điểm sống, bà H thường gây ra nợ nần như cờ bạc, số đề, nhiều lần bỏ trốn. Ông N đã nhiều lần ngăn cản nhưng không được, bà H không có trách nhiệm với gia đình. Từ tháng 11/2019 đến nay ông N dẫn con về Đông Hà, Quảng Trị sinh sống. Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hồng N xác định ông và bà Phạm Thị Ánh H có 01 người con tên là Nguyễn K– sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011. Ly hôn, nguyện vọng của ông là được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hồng N xác định ông và bà Phạm Thị Ánh H không có tài sản chung, nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bà Phạm Thị Ánh H đến Tòa án để lấy lời khai, Mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà H đều không có mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do: "tình hình dịch bệnh căng thẳng, các nhà xe đều đóng cửa nên ông không thể đến tham gia phiên tòa được" (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Đông Lễ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị). Bà Phạm Thị Ánh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng bà H vắng mặt lần 2 không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N, bà H.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Hồng N và bà Phạm Thị Ánh H kết hôn vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa C, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông N đối với bà H thì thấy: theo ông N, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã lâu, ông đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nhưng không được nên từ tháng 11/2019 đến nay vợ chồng không chung sống cùng nhau, như vậy hôn nhân giữa ông N và bà H không còn tồn tại trên thực tế, bản thân bà H không đến Tòa án để hòa giải, trình bày ý kiến, do đó xác định mâu thuẫn của ông N và bà H đã ở mức độ trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng

xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà ông N đối với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông N xác định ông và bà H có 01 người con chung tên là Nguyễn K– sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011. Ly hôn, nguyện vọng của ông là được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu nuôi con của ông N thì thấy: Qua xác minh tại địa phương thì cháu K theo ông N về quê của ông để sinh sống. Tại biên bản ghi lời khai của cháu K thì: Từ trước đến nay cháu đều ở với ba, nếu ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống với ba. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu K cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông N không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa, ông N, bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hồng N xác định ông và bà Phạm Thị Ánh H không có tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N, bà H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông N phải chịu: 300.000đ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hồng N đối với bà Phạm Thị Ánh H; Về con chung: Đề nghị giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông N phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng N về việc *"Ly hôn, nuôi con"* đối với bà Phạm Thị Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho ông Nguyễn Hồng N được ly hôn bà Phạm Thị Ánh H.

2. Về quan hệ con chung:

Xử: Giao con chung Nguyễn K – sinh ngày 26 tháng 02 năm 2011 cho ông Nguyễn Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà Phạm Thị Ánh H không cấp dưỡng nuôi con.

Khi vì quyền lợi của con chung, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng cũng như các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung, tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Nguyễn Hồng N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình ông N đã nộp theo biên lai thu số 5148 ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông N đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Hòa C, Q. Hải Châu TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thanh Anh